

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-PT

Ngày: 06-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình

Các Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tú.

Ông Lê Vũ Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Cu Gà); sinh ngày 25/11/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà: Nguyễn Thị Thu H1; vợ: Lê Thị Bích D và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Nguyễn Văn H2; sinh ngày 18/12/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị S; vợ: Nguyễn Ngọc Anh T; có 01 con, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

3. Võ Đại T1 (Tên gọi khác: Cu); sinh ngày 12/10/1993, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ I, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ L và bà Trần Thị X; vợ: Lê Thị Mỹ T2, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

4. Nguyễn Duy H3; sinh ngày 08/3/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị T3; vợ: Nguyễn Thị Lê H4, con: Có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

5. Phan N (Tên gọi khác: Rum); sinh ngày 03/8/1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ F, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan D1 và bà Đặng Thị N1; vợ: Dương Thị Tuyết N2, con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Ngày 01/5/2015, bị Công an phường T, thành phố H xử phạt hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” (Quyết định số: 27601, đã chấp hành xong).

- Ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” (Bản án số: 183, đến ngày 12/12/2017 chấp hành xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

6. Châu Khắc S1; sinh ngày 31/7/1974, tại: Thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT: Tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Khắc T4 (chết) và bà Võ Thị D2 (chết); vợ: Nguyễn Thị Ngọc H5, con: Có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân

- Ngày 23/3/1999, bị Tòa án cấp Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có” (Bản án số: 168), đến ngày 16/6/1999, chấp hành xong rồi chuyển đến sinh sống tại tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

7. Đoàn Thanh T5; sinh ngày 20/01/1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT: 15 Á, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: I T, tổ I, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L1 và bà Lê Thị S2; vợ: Lê Thị Thanh T6, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: Không; Tiền án: 01:

- Ngày 28/4/2022, bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu D, xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” (Bản án số: 03). Bị cáo chấp hành bản án này từ ngày 16/6/2022 đến ngày 07/8/2022.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/8/2022 đến ngày 21/7/2023 được trả tự do. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Trọng C1, sinh năm 1977, trú tại tổ G, phường P, thị xã H (Giám đốc Công ty T7). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Trọng C1: Ông Võ Ngọc M - Luật sư V; địa chỉ: D B, khu phố A, phường E, thành phố Đ, Quảng Trị. Có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án.

Người kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Q; Nguyễn Văn H2; Châu Khắc S1; Bị hại ông Nguyễn Trọng C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/6/2022, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2, Võ Đại T1, Nguyễn Duy H3, Phan N, Đoàn Thanh T5 và anh Nguyễn Viết Q1 (sinh năm 1997, trú tại tổ I, phường T, thị xã H), tổ chức ăn uống tại nhà của Châu Khắc S1, ở tại tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô BKS: 75F6-9609 (xe của chị Trần Thị L2, sinh năm 1986, trú tại tổ A, phường T, thị xã H), đi về trước. Khi đi qua đoạn đường gần nhà máy G thì gặp anh Nguyễn Trọng H6, sinh năm 1995, trú tại tổ F, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (là lái xe của Công ty H11), điều khiển xe ô tô tải chạy vượt lên xe Q. Văn Q cho rằng anh H6 điều khiển xe chiếm đường nên đuổi theo xe của anh H6 đến nhà xưởng

của Công ty H11, ở tại tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, để gây sự. Khi anh H6 xuống xe, Văn Q đến túm cổ áo thì bị anh H6 gạt ra; sau đó, anh Lê C2, sinh năm 1995, trú tại khu phố B, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (là công nhân Công ty H11) đến can ngăn nên Văn Q đe dọa và nói với anh H6: “Mi ngon thì chờ đó”; Q điều khiển xe mô tô chạy về xe tải của Q lấy 01 ống tuýp sắt (dài khoảng 60cm, dạng sắt tròn), quay trở lại Công ty H11 để đánh anh H6.

Trên đường đi, Văn Q điện thoại cho Nguyễn Văn H2 nói: “Ra nhà máy giấy đập thẳng ni tau với, hấn ngao quá”; Sau đó, H2 nói lại cho cả nhóm đang ngồi ăn uống (T1, H3, N, T5, S1) biết là Văn Q bị đánh, nhờ mọi người ra giúp (lúc này Nguyễn Viết Q1 đang ra ngoài nghe điện thoại). Nghe vậy, T1 điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-364.55 (xe của bà Trần Thị X, sinh năm 1964, trú tại tổ I, phường T, thị xã H, là mẹ của T1), chở H2 đi trước; N điều khiển xe mô tô BKS: 75G1-321.53 (xe của anh Lê Quý L3, sinh năm 1986, trú tại tổ E, phường T, thị xã H, là anh rể của N), chở S1; H3 điều khiển xe mô tô BKS: 75G1-035.88 (xe của Nguyễn Viết Q1, (sinh năm 1997, trú tại tổ I, phường T, thị xã H), rủ và chở Nguyễn Viết Q1 (Viết Q1 Quốc nghe mọi người nói lại là Văn Q bị đánh nên đi xem); Đoàn Thanh T5 điều khiển xe mô tô BKS: 75K7-0454 (xe của ông Lê H7, sinh năm 1953, trú tại thôn T, xã P, thành phố H, là bố vợ của T5), đi một mình.

Khi cả nhóm đến Công ty H11 thì Nguyễn Viết Q1 gặp bạn của mình là anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1997, trú tại tổ I, phường T, thị xã H (công nhân công ty H11), nên cả hai đứng phía ngoài đường (khu vực trước cổng công ty nói chuyện). Những người còn lại đi theo Văn Quốc vào trong nhà xưởng của Công ty.

Khi vào khu vực nhà xưởng H12, Văn Q cầm ống tuýp sắt, H2 nhặt 01 thanh gỗ (dài khoảng 2 mét, kích thước khoảng 4,5cm x 4cm), T1 không mang theo hung khí gì. Văn Quốc đến hỏi anh Nguyễn Dương Thanh P1, sinh năm 1999, trú tại phường A, thành phố H (công nhân Công ty H11) là anh H6 ở đâu thì anh P1 nói không biết, thấy P1 đang cầm 01 cây dao rọc giấy (có lưỡi và cán đều bằng kim loại, dài khoảng 50-60cm); nên Văn Q, T1, H2 xông vào dọa đánh thì anh P1 liền vứt dao bỏ chạy nên không bị thương tích gì; T1 nhặt cây dao rọc giấy này làm hung khí. Cùng lúc này, T5, S1, N, H3 đi vào gặp Văn Q, T1 và H2 tại nhà xưởng; thấy anh Lê C2 đang làm việc, Văn Q dùng ống tuýp sắt và ống nhựa tròn dài khoảng 60cm nhặt ở dưới đất, H3 lấy 01 cây dao rọc giấy gần đó (có lưỡi kim loại kích thước 34cm x 6cm, cán kim loại tròn đường kính 3cm), T1 cầm dao rọc giấy, N nhặt ống nhựa tròn màu trắng (dài khoảng 1,2 mét, đường kính khoảng 3cm), S1 dùng tay; cùng xông vào dọa và đánh anh C2, làm anh C2 bị thương tích; T5 phát hiện đánh nhầm người nên nói cả nhóm không đánh nữa. Lúc này, S1 đi đến dọa đánh anh Nguyễn Văn C3 (ông C3 đang đứng nói chuyện với Viết Q1); thấy vậy, V can ngăn, sau đó đi về.

Sau khi đánh anh C2 tại nhà xưởng của Công ty H11; N, Văn Q vút lại ống tuýp sắt, ống nhựa tròn tại hiện trường; H3 cầm dao rọc giấy, T1 cầm dao rọc giấy, H2 cầm gậy gỗ; rồi tất cả cùng nhau đi ra trước cổng của Công ty H11 (7 bị cáo).

Khi ra trước cổng Công ty H11 thì cả nhóm gặp anh Nguyễn Trọng H8, sinh năm 1974, trú tại tổ A, phường T, thị xã H (Giám đốc Công ty H11) và ông Nguyễn Trọng C1, sinh năm 1977, trú tại tổ G, phường P, thị xã H (Giám đốc Công ty T7, ở cạnh Công ty H11). Thấy ông C1 tay cầm ống tuýp sắt màu đỏ và đang cầm điện thoại di động để quay phim, nên cả nhóm cầm hung khí đuổi đánh làm anh H8, ông C1 bỏ chạy sang công ty T7.

Cả nhóm đuổi theo, Văn Q nhặt được mũ cối của ông C1 làm rơi trên đường để làm hung khí, rồi cùng nhau đi vào bên trong Công ty T7 Vương, thấy nhóm của Văn Q đông, có cầm hung khí nên anh H8 bỏ chạy sang hướng khác còn ông C1 cầm ống tuýp sắt màu đỏ để phòng vệ và tiếp tục cầm điện thoại đi lùi về phía sau để quay phim. Lúc này, H2 cầm gậy gỗ xông vào đánh từ trên xuống trúng vào vai ông C1 làm gãy bị gãy; T1 cầm dao rọc giấy ném về phía ông C1 nhưng không trúng đồng thời vừa la lớn: “chém hấn chết luôn”; Văn Q nhặt 01 ống tuýp sắt tròn màu đỏ (dài khoảng 1,50 mét), ném về phía ông C1 nhưng không trúng; H3 cầm dao rọc giấy xông đến dọa đánh C1; N cầm 01 cái ghế nhựa màu trắng (kích thước 37cm x 89cm x 50cm) lấy trong Công ty, cùng với H2 cầm gậy gỗ, T1 tay không, cùng xông vào đuổi đánh ông C1; H3 cầm dao, Q cầm mũ cối chạy vào cùng đánh; T5 nhặt 01 thanh sắt (dài khoảng 2 mét) trong Công ty cầm trên tay; N cầm ghế nhựa đánh vào lưng, tay ông C1; Q cầm mũ cối đánh vào đầu, mặt ông C1; H2 cầm gậy gỗ đánh từ trên xuống trúng vào đầu ông C1; H3 cầm dao chém trúng tay và gậy của ông C1 làm dao gãy cán, gậy rơi xuống đất; T1 dùng tay dấm vào mặt, đầu của C1. Lúc này, ông C1 dùng hai tay ôm đầu chống đỡ, Văn Q vừa ôm kẹp cổ phía sau vừa dùng mũ cối đánh vào đầu, mặt, tay, lưng của ông C1, H3 bị gãy dao nên ném xuống và dùng tay chân xông vào dấm đá vào mặt, bụng của ông C1. Khi T1, Q, H3, N, H2 đang đánh C1 thì anh H8 nhặt 01 gậy gỗ (dài khoảng 1,5 mét) xông vào đánh trả để giải vây cho ông C1. T5 nhìn thấy anh H8 xông vào đánh nhóm của mình liền cầm thanh sắt chạy ra đánh anh H8 cùng với H2, H3, T1. Anh H8 đánh lại trúng vào vùng đầu của H2 và tay của H3 thì bị các bị cáo đánh rơi gậy liền bỏ chạy; T5, H3 phóng hung khí về phía anh H8; sau đó, H3 nhặt thanh sắt T5 làm rơi cầm trên tay và các bị cáo cùng nhau quay trở lại chỗ C1 đang bị Quốc kẹp cổ để đánh tiếp. Lúc này, H2 dùng gậy gỗ đánh vào tay của C1 đang đưa lên che đỡ, H3 cầm gậy, T1 cầm gậy cùng T5 xông vào; S1 thấy vậy thì bắt đầu đi vào để đánh. Cả nhóm 7 người kéo ông C1 lui khu vực phía sau chiếc xe tải chở nguyên liệu và tiếp tục đánh. Tại vị trí này, S1 nhặt ống tuýp sắt màu đỏ do ông C1 bị đánh rơi, đánh 01 cái từ trên xuống, ông C1 chống đỡ và né tránh nhưng vẫn bị trúng vào vùng đầu, rồi S1 dừng lại nói: “Mi quỳ xuống cho tau, không quỳ tau đập cho

mi chết”; thấy ông C1 không quỳ, S1 cầm ống tuýp sắt đánh ngang 01 cái nhưng không trúng ông C1; cùng lúc này N nắm vào thắt lưng, Q kẹp cổ và đập ông C1 ngã xuống, rồi T5, N, H3, xông vào dùng chân, tay đánh vào người ông C1; T1 lấy ống tuýp sắt màu đỏ từ Sĩ định đánh ông C1 thì ông C1 vùng dậy bỏ chạy. Thấy ông C1 bỏ chạy nên cả nhóm của Văn Q rủ nhau đi về.

Hậu quả: ông C1, anh C2 và các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Duy H3 bị thương tích; những người còn lại không có ai bị thương tích gì.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ gồm:

- 01 (một) đĩa CD có chứa 01 đoạn video có đặc điểm định dạng mp4, có độ dài 59 phút 52 giây, dung lượng 454MB do ông Nguyễn Trọng C1 trích từ camera quay lại cảnh đối tượng gây thương tích cho anh vào ngày 17/6/2022.

- 01 (một) đĩa CD có chứa 01 đoạn video có đặc điểm định dạng mp4, có độ dài 01 phút 13 giây, dung lượng 10,65MB do ông Nguyễn Trọng C1 quay bằng điện thoại di động cảnh đối tượng gây thương tích cho anh vào ngày 17/6/2022.

- 01 (một) đĩa CD chứa 03 file, dung lượng là 315KB; 471KB; 255KB do ông Nguyễn Trọng C1 quay bằng điện thoại di động cảnh đối tượng gây thương tích cho anh vào ngày 17/6/2022.

- 01 (một) thanh gỗ màu trắng dài 1,6 mét, có đáy hình chữ nhật cạnh 4,5cm x 4cm; một đầu nhọn, màu vàng (gậy gỗ Nguyễn Văn H2 sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) thanh gỗ kích thước 107cm x 3cm có 01 đầu rộng 3cm, một đầu nhọn, trên thanh gỗ này có dấu vết bị tước, gãy và 01 thanh gỗ kích thước 57cm x 3cm có 01 đầu rộng 2cm, một đầu nhọn, trên thanh gỗ này có dấu vết bị tước, gãy (phần gãy ra từ gậy gỗ mà bị cáo H2 sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) chiếc dép nhựa màu xanh, kiểu dép tổ ong, dép bên trái (dép của bị cáo Nguyễn Văn H2 bỏ lại hiện trường).

- 01 (một) mũ cối màu xanh bị móp méo, biến dạng là mũ cối của ông Nguyễn Trọng C1 (bị cáo Q sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) chiếc dép nhựa cao su màu đen trắng, dép bên trái (dép của bị cáo Quốc bỏ lại hiện trường).

- 01 (một) cây dao gậy gồm: Cán dao bằng kim loại màu nâu dài 18cm, dạng tròn, đường kính 3cm kèm lưỡi dao hình chữ nhật có kích thước 34cm x 6cm (cây dao bị cáo H3 sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) ghế nhựa màu trắng có một bên tay ghế bên trái bị gãy, kích thước ghế là 37cm x 89cm x 50cm (ghế bị cáo N sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) ống sắt màu đỏ, dạng tròn, dài 80cm, đường kính 6cm (tuýp sắt bị cáo S1 sử dụng làm công cụ phạm tội).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IteI có số IMEI: 351630102319729 trên gắn sim Mobifone có dãy ký tự 7489WD (của bị cáo Q, sử dụng điện thoại này để gọi cho bị cáo H2 nhờ đi đánh người).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen, có số IMEI: 359172074382114, trên có sim số thuê bao 0796762507 (của Nguyễn Văn H2, đây là phương tiện liên lạc cá nhân của H2 và H2 sử dụng điện thoại này để nhận cuộc gọi từ bị cáo Q).

- 01 (một) áo thun màu xám bị rách và dính máu của bị hại C1 giao

- 01 (một) xe mô tô biển số 75K7-0454.

- 01 (một) xe mô tô biển số 75H1-364.55.

- 01 (một) xe mô tô biển số 75G1-321.53.

- 01 (một) xe mô tô biển số 75F6-9069.

Các tang vật khác gồm: 01 (một) ống tuýp sắt tròn dài khoảng 60cm mà bị cáo Q mang theo và dùng đánh anh Lê C2; 01 (một) ống nhựa tròn màu trắng dài khoảng 60cm - 70cm bị cáo Q lấy tại công ty H11 dùng đánh anh Lê C2; 01 (một) ống tuýp sắt màu đỏ, dạng tròn, dài khoảng 1,5m bị cáo Q lấy tại công ty T7 dùng ném ông Nguyễn Trọng C1; 01 (một) ống nhựa tròn màu trắng dài khoảng 1,20m, đường kính khoảng 2cm bị cáo N lấy tại công ty H11 dùng đánh anh Lê C2; 01 (một) cây dao rọc giấy có lưỡi và cán đều bằng kim loại, dài khoảng 60cm bị cáo T1 lấy tại công ty H11 dùng đánh anh Lê C2 và ném ông Nguyễn Trọng C1; 01 (một) thanh sắt dài khoảng 2m bị cáo T5 lấy tại công ty T7 để đánh anh Nguyễn Trọng H8; 01 (một) gậy gỗ màu trắng dài khoảng 1,5m anh Nguyễn Trọng H8 dùng để đánh bị cáo H2, H3. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Hiện cơ quan điều tra đã trả lại 04 xe mô tô biển số 75K7-0454, 75H1-364.55, 75G1-321.53 và 75F6-9069, cho các chủ sở hữu là các ông Lê H7, bà Trần Thị X, ông Lê Quý L3 và bà Trần Thị L2. Vật chứng là các đĩa CD chứa các đoạn video quay lại cảnh đối tượng gây thương tích vào ngày 17/6/2022 được chuyển theo hồ sơ vụ án; vật chứng còn lại hiện đang tạm giữ và bảo quản tại kho vật chứng của cơ quan Công an thị xã H.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 280-22/Tgt ngày 11 tháng 7 năm 2022, Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T kết luận giám định về tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trọng C1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo phần mềm vùng chằm, không ảnh hưởng chức năng: 2%.

Vết thương đốt xa ngón III bàn tay trái đang viêm nhiễm, chưa đánh giá chức năng: 1%.

Chấn thương gãy đốt xa ngón III bàn tay trái: 1%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 4%.

3. Vật gây, chiều hướng, cơ chế hình thành thương tích: do vật tày có cạnh, tác động phải sang trái, trên xuống, sẹo ngón tay do vật sắc tác động trên xuống, tư thế chống đỡ. (BL: 148-151).

Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về tổn thương cơ thể số: 419-22/TgT ngày 14 tháng 9 năm 2022; Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T, kết luận giám định về tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trọng C1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định bổ sung:

Sẹo phần mềm vùng chằm, không ảnh hưởng chức năng: 2%.

Vết thương đốt xa ngón III bàn tay trái không ảnh hưởng đánh giá chức năng: 1%.

Chấn thương gãy đốt xa ngón III bàn tay trái đã điều trị ổn định: 1%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 4%. (BL: 164-166).

Tại các bản kết luận số: 302-22/TgT; 303-22/TgT; 307-22/TgT; ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T đã kết luận về tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H2, Nguyễn Duy H3 và anh Lê C2 như sau:

Nguyễn Văn H2:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương vùng mềm vùng thái dương trái để lại sẹo, không ảnh hưởng chức năng: 1%;

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 1% (Một phần trăm).

3. Vật gây, chiều hướng và cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương thái dương trái do vật tày có cạnh tác động theo hướng từ trên xuống dưới.

Nguyễn Duy H3

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Chấn thương vùng mềm cẳng tay trái để lại vết biến đổi sắc tố da, không ảnh hưởng chức năng.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 1% (Một phần trăm).

3. Vật gây, chiều hướng và cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương nông cẳng tay trái do vật tày tác động phù hợp với tư thế chống đỡ.

Lê C2:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương vùng mềm vùng cằm trái để lại sẹo mỏng, không ảnh hưởng chức năng: 1%;

Các tổn thương khác đã lành không còn dấu vết: 0%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 1% (Một phần trăm).

3. Vật gây, chiều hướng và cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương vùng cằm trái do vật tày có cạnh tác động theo hướng từ sau ra trước.

Ngày 27/6/2022, ông Nguyễn Trọng C1, đã viết đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với những người đã gây thương tích cho mình nói trên.

Nguyễn Văn H2, Nguyễn Duy H3 và anh Lê C2; đều không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với người đã gây thương tích cho mình.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn Q đã bồi thường theo yêu cầu cho anh Lê C2, số tiền 4.000.000 đồng.

Bị hại (ông Nguyễn Trọng C1), yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các chi phí điều trị tại bệnh viện, với tổng số tiền là 22.457.000 đồng; hiện các bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền trên cho ông C1.

Ngoài ra, ông C1 còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 285.000.000 đồng, bị rơi mất trong quá trình bị các bị cáo đánh đập và thiệt hại khác làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty với tổng số tiền là 185.000.000 đồng. Các bị cáo đều không đồng ý bồi thường các yêu cầu trên cho ông C1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Hương Thủy đã quyết định:

Áp dụng điểm a, i, khoản 1 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2, Phan N, Đoàn Thanh T5 và Châu Khắc S1. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phan N, Đoàn Thanh T5; áp dụng riêng điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Thanh T5; Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Cu Gà) 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Châu Khắc S1 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Phan N (Tên gọi khác: R) 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/8/2022.

Bị cáo Đoàn Thanh T5 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số 03/2022/HS- ST ngày 28/4/2022 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 là 16 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ (Bị cáo T5 đã chấp hành hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ của bản án này từ ngày 16/6/2022 đến ngày 07/8/2022). Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù. Hình phạt chưa chấp hành chuyển đổi thành 05 tháng 13 ngày tù.

Buộc bị cáo Đoàn Thanh T5 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật hình sự, là 11 (mười một) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/8/2022.

Áp dụng điểm a, i, khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Bị cáo Võ Đại T1 (Tên gọi khác: Cu) 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2023).

Bị cáo Nguyễn Duy H3 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về chi phí điều trị: Bị hại ông Nguyễn Trọng C1 không yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

Về các khoản thiệt hại khác mà bị hại ông Nguyễn Trọng C1 có yêu cầu, gồm: Số tiền 285.000.000 đồng là tiền nguồn thu bán giấy của Công ty TNHH T7 do ông C1 là giám đốc trực tiếp quản lý thu chi, ông C1 khai mang theo trên người bị mất; Những thiệt hại khác của Công ty TNHH T7 tổng cộng là 185.000.000 đồng. Các bị cáo đều không đồng ý bồi thường các yêu cầu trên cho ông C1.

Hội đồng xét xử quyết định tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Công ty TNHH T7 do ông Nguyễn Trọng C1 làm giám đốc nếu có yêu cầu có thể khởi kiện thành vụ án dân sự riêng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/01/2023, các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 16/01/2023, bị hại Nguyễn Trọng C1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2023/HSST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại là trong hạn luật định và hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo với mức án là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì mới để xem xét; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 256 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, đảm bảo quy định của pháp luật. Bị hại nhất trí như ý kiến của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 17/6/2022, tại tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; mặc dù không có mâu thuẫn, xích mích gì trước với bị hại, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2, Võ Đại T1, Nguyễn Duy H3, Phan N, Đoàn Thanh T5 và Châu Khắc S1; vẫn dùng hung khí xông vào Công ty TNHH T7 do ông Nguyễn Trọng C1 làm giám đốc và đã có hành vi cùng nhau dùng gậy gỗ, dao rọc giấy, ống tuýp sắt, ghế nhựa, mũ cối; là hung khí nguy hiểm, vô cớ gây thương tích cho ông Nguyễn Trọng C1, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã kết án các bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ sức khỏe của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, các bị cáo không có mâu thuẫn, xích mích gì trước với bị hại nhưng vẫn dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%.

Bị cáo Nguyễn Văn Q vừa là người chủ mưu, cầm đầu vừa là người thực hành tích cực nhất; cùng với những bị cáo còn lại trực tiếp thực hiện tội phạm. Nguyên nhân sự việc xuất phát từ bị cáo Nguyễn Văn Q, vì mâu thuẫn với anh Nguyễn Trọng H6 nên đã mang theo hung khí đi tìm đánh H6, đồng thời điện thoại nhờ bị cáo H2 đi đánh H6 giúp mình. Quá trình phạm tội, Q đã sử dụng mũ cối, đánh nhiều cái vào đầu, mặt, tay, lưng của bị hại ông C1; ôm kẹp cổ bị hại, khống chế tạo điều kiện cho các bị cáo khác đánh bị hại. Ngoài ra, trước đó Q còn đuổi đánh anh P1, gây thương tích cho anh Lê C2;

Bị cáo Nguyễn Văn H2 là người hưởng ứng tích cực nhất. Khi nghe Nguyễn Văn Q điện thoại, đã thông báo lại cho cả nhóm và rủ mọi người cùng đi. Chính bị cáo H2 là người đầu tiên xông vào dùng hung khí là gậy gỗ đánh bị hại C1, đã đánh nhiều cái trong đó có đánh trúng vào đầu ông C1.

Bị cáo Châu Khắc S1 ban đầu chỉ đi theo, không mang theo hung khí gì, chỉ dùng tay dọa đánh anh Lê C2, anh Nguyễn Văn C3. Nhưng khi cả nhóm kéo ông Nguyễn Trọng C1 lui khu vực phía sau chiếc xe tải chở nguyên liệu, S1 đã nhặt ống tuýp sắt do bị hại đánh rơi trước đó, xông vào đánh trúng vào vùng đầu của bị hại, rồi S1 còn nói: “Mi quỳ xuống cho tau, không quỳ tau đập cho mi chết”; thấy ông C1 không quỳ, S1 cầm ống tuýp sắt tiếp tục đánh bị hại nhưng không trúng. Bị cáo S1 có nhân thân xấu, hành vi của bị cáo S1 đã thể hiện tính nguy hiểm có phần cao hơn các bị cáo còn lại.

Mặc dù quá trình đánh thì các bị cáo có điểm dừng, có sự can ngăn lẫn nhau khi thấy bị cáo khác thực hiện hành vi có nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại; nhưng hành vi của tất cả các bị cáo trên đã thể hiện sự coi thường pháp luật, có tính chất côn đồ, manh động; cường độ tấn công khá quyết liệt; đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q là đã xem xét đầy đủ, tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu gì mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Trọng C1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Sự việc xảy ra vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 17/6/2022. Ngay khi sự việc xảy ra, bị hại đã điện thoại thông báo cho cơ quan công an; Công an phường T cũng đã lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của ông Nguyễn Trọng H8 vào lúc 17 giờ ngày 17/6/2022 và lập biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc vào lúc 17 giờ 20 phút cùng ngày với sự tham dự của ông Nguyễn Trọng H6, ông Nguyễn Trọng H8. Công an phường T đã tiến hành truy tìm số tiền 285.000.000 đồng do ông Nguyễn Trọng C1 trình báo và lập biên bản làm việc vào lúc 08 giờ 50 phút ngày 18/6/2022 có người tham dự là ông Nguyễn Trọng C1. Công an thị xã H đã lập biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 09 giờ ngày 18/6/2022 có người tham dự là ông Nguyễn Trọng H8 và người chứng kiến là bà Dương Thị Thu H9. Như vậy, quá trình giải quyết tin báo là kịp thời, đảm bảo tính khách quan.

Mặt khác, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã ra Quyết định số 05/2022/HSST-QĐ ngày 09/12/2022 về Trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ các vấn đề: Thứ nhất, làm rõ hành vi, động cơ, mục đích, của bị cáo Nguyễn Văn Q và đồng phạm khi thực hiện hành vi dùng hung khí gây thương tích cho bị hại Nguyễn Trọng C1 có dấu hiệu phạm tội: “Giết người” hay không; Thứ hai, làm rõ ngoài bị cáo Nguyễn Văn Q và đồng phạm, còn có đối tượng Nguyễn Viết Q1, đi cùng các bị cáo trong vụ án đến chỗ gây án, cần xem xét động cơ, mục đích, ý định để làm rõ có bỏ lọt đồng phạm hay không; Thứ ba, về trách nhiệm dân sự.

Đến ngày 15/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã có công văn số 27/KSXX-VKSHTh trả lời các vấn đề nêu trên và giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Văn Q và đồng phạm bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông C1 và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đều cho rằng nếu như giai đoạn điều tra có thu thập 19 mắt camera ở Công ty T8 thì không có sự việc hôm nay. Theo ông C1 trình bày bộ phận lưu giữ hình ảnh hiện trường chỉ là 15 ngày nên hiện nay ông C1 không có chứng cứ gì để nộp cho Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C1 cho rằng ông không có nghiệp vụ nên không trích xuất camera để nộp. Tuy nhiên tại quyết định số 01/QĐ/CQĐT ngày 02/01/2023 của cơ quan điều tra Công an thị

xã H (Bút lục số 955 – 960 có nêu: “... Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 28/6/2022 anh Nguyễn Trọng C1 đến cơ quan điều tra làm việc và tự nguyện giao nộp dữ liệu điện tử gồm: “ 01 file định dạng MP4, độ dài 59 phút 52 giây, dung lượng 454 MB” Và trình bày rõ: Đây là video trích xuất từ hệ thống camera trong trụ sở công ty T7 được anh Nguyễn Trọng C1 trích xuất và giao nộp để phục vụ công tác điều tra và sau này ông C1 cũng không cung cấp được video trích xuất từ các mắt xích camera nào khác.” Tại biên bản làm việc ngày 18/6/2022 (Bút lục số 85) anh Lê Huy H10 cảnh sát khu vực của phường T đã truy tìm số tiền 285.000.000 đồng, có sự chứng kiến của ông Lê Trọng C4 là người ký vào biên bản cũng xác định không tìm ra manh mối số tiền trên tại hiện trường vụ án.

Đồng thời, trong hồ sơ vụ án hình sự nói trên, ngoài lời khai của ông C4, không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện số tiền 285.000.000 đồng có trước, trong và sau tại hiện trường vụ án. Ông C4 và luật sư bảo vệ cho bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH T7 do phải bồi thường số tiền 65.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng với Công ty P2 và bồi thường số tiền 120.000.000 đồng do công việc sản xuất của Công ty T7 bị ảnh hưởng dẫn đến không cung cấp đủ sản lượng cho đối tác nhưng các đương sự không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để ông C4 có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, giai đoạn sơ thẩm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm được tài liệu gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2 và Châu Khắc S1, bị hại ông Nguyễn Trọng C1 phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H2, Châu Khắc S1, Nguyễn Văn Q và bị hại ông Nguyễn Trọng C1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a, i, khoản 1 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2 và Châu Khắc S1. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2; Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Cu Gà) 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Châu Khắc S1 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về các khoản thiệt hại khác mà bị hại ông Nguyễn Trọng C1 có yêu cầu, gồm: Số tiền 285.000.000 đồng là tiền nguồn thu bán giấy của Công ty TNHH T7 do ông C1 là giám đốc trực tiếp quản lý thu chi, ông C1 khai mang theo trên người bị mất; những thiệt hại khác của Công ty TNHH T7 tổng cộng là 185.000.000 đồng. Các bị cáo đều không đồng ý bồi thường các yêu cầu trên cho ông C1.

Hội đồng xét xử quyết định tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Công ty TNHH T7 do ông Nguyễn Trọng C1 làm giám đốc nếu có yêu cầu có thể khởi kiện thành vụ án dân sự riêng.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2 và Châu Khắc S1, bị hại ông Nguyễn Trọng C1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi người là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- PV06 CA tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Hương Thủy;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Thủy ;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy ;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người BVQLIHP của bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính

